

Số: **14** /2020/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **10** tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử (Gửi bản giấy các đơn vị không dùng TDOffice)

- Như Điều 3 (T/h);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Lý Thái Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng
thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **14** /2020/QĐ-UBND ngày **17** tháng 9 năm
2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, bao gồm thông tin dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám; cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP); Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố cung cấp và sử dụng (Sau đây viết tắt là Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT).

Điều 2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn bao gồm các loại thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP (trừ thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định 73/2017/NĐ-CP).

Điều 3. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy tại Điều 5, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

THU THẬP, TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, bảo trì, bảo quản, quản lý, lưu trữ, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương, có nhiệm vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Bảo trì, bảo quản, lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; thu phí khai thác và sử dụng tài liệu, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

e) Ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, xử lý, bảo trì, bảo quản, lưu trữ và khai thác sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

f) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin, việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan.

3. Sở Tài chính căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện thu thập, xử lý, bảo trì, bảo quản, quản lý, lưu trữ thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh;

- Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố; cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành của tỉnh

Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ, xác định, lập danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường giao nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp.

6. Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giao nộp cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với thông tin, dữ liệu được tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước.

- Khuyến khích việc các tổ chức, cá nhân hiến tặng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho địa phương để phục vụ lợi ích chung.

Điều 5. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản và sử dụng.

1. Thực hiện việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng theo quy định tại Chương II Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT.

2. Danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định chi tiết tại Phụ lục I Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT (*trừ thông tin, dữ liệu lĩnh vực biển và hải đảo quy định tại mục 5 Phụ lục I Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT*).

Điều 6. Giao nộp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước để thu nhận, tạo lập hoặc trong quá trình hoạt động mà theo quy định của pháp luật trong thời hạn (03 tháng) kể từ ngày hoàn thành nhiệm vụ sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (Qua Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường) 01 bộ dữ liệu dạng giấy (Bản chính, bản gốc hoặc bản sao được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hay xác nhận tính hợp pháp giá trị thông tin và một bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD, thiết bị lưu trữ) đúng theo chuẩn thông tin, dữ liệu theo quy định.

2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khi bàn giao phải có Giấy xác nhận giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ phê duyệt quyết toán dự án theo quy định.

Điều 7. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật dữ liệu

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. UBND huyện, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Điều 8. Bảo trì, bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Bảo trì, bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu

a) Dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

b) Việc lưu trữ, bảo trì, bảo quản và tu bổ dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn.

2. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin

a) Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

b) Dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

c) Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

Mục 2

CUNG CẤP, KHAI THÁC, CHIA SẺ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 9. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ tra cứu, tìm kiếm, cung cấp sử dụng

Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường và Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Điều 10. Khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 16, Điều 17 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý;

b) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu thực hiện theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;

c) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật thực hiện theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

3. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp ngừng khai thác dữ liệu tài nguyên và môi trường (bản giấy) để thực hiện công tác lưu trữ, bảo quản hàng năm. Việc ngừng khai thác do đơn vị phải niêm phong kho lưu trữ dữ liệu để tiến hành các dịch vụ phòng chống mối, khử trùng diệt một số loài, phòng chống chuột cho kho lưu trữ dữ liệu. Đơn vị thực

hiện có trách nhiệm thông báo trước 10 ngày bằng văn bản lên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường phải ghi rõ thời gian ngừng khai thác.

Điều 11. Thẩm quyền cung cấp, phạm vi, mức độ, đối tượng được phép khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

1. Thẩm quyền cung cấp, phạm vi, mức độ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 15, Điều 16 Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Đối tượng được phép khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục bí mật Nhà nước: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân (người Việt Nam và nước ngoài) được giao thực hiện nhiệm vụ có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;

2. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 3 Quy chế này.

Điều 13. Phối hợp, chia sẻ, kết nối, tích hợp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Việc phối hợp, chia sẻ, kết nối, tích hợp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 29, Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài

nguyên và Môi trường. Dữ liệu "giáo nộp phải có nguồn gốc và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu thì cơ quan quản lý xem xét, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Quy chế này.

Điều 16. Kinh phí thu thập, bảo trì, bảo quản, quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, bảo trì, bảo quản, quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, bảo trì, bảo quản, quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh với UBND tỉnh Bắc Kạn (Qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Lý Thái Hải